**Tuần 3**

**Tiết 1**

**LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 21/09/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ Củng cố cho HS các tính chất của phép cộng, phép nhân các số tự nhiên.

\_ Rèn luyện kĩ năng vận dụng các tính chất trên vào các bài tập tính nhẩm, tính nhanh.

\_ Biết vận dụng một cách hợp lý các tính chất của phép cộng và phép nhân vào giải toán.

\_ Biết sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi.

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ GV gọi 2 HS lên bảng kiểm tra  + HS1 : Phát biểu và viết dạng tổng quát tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng ?  Sửa bài tập sau :  163 + 27 + 337  96 + 48 + 204 | \_ HS phát biểu và viết dạng tổng quát tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng  \_ HS sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Dạng 1 : Tính nhanh**  **Bài 31 trang 17 SGK**  a ) 135 + 360 + 65 + 40  GV gợi ý cho HS : (Kết hợp các số hạng sao cho được số tròn chục hoặc tròn trăm)  b ) 463 + 318 + 137 + 22  c ) 20 + 21 + 22 + … + 29 + 30  **Bài 32 trang 17 SGK**  \_ GV cho HS tự đọc phần hướng dẫn trong sách sau đó vận dụng cách tính  a ) 996 + 45  Gợi ý cách tách số 45 = 41 + 4  b ) 37 + 198  \_ GV yêu cầu HS cho biết đã vận dụng những tính chất nào của phép cộng để tính nhanh.  **Bài 33 trang 17 SGK.**  \_ Hãy tìm quy luật của dãy số.  \_ Hãy viết tiếp 4; 6; 8 số nữa vào dãy số 1, 1, 2, 3, 5, 8.  **Bài 34 trang 17 SGK.**  \_ GV đưa tranh vẽ máy tính bỏ túi giới thiệu các nút trên máy tính.  Hướng dẫn HS cách sử dụng như trang 18 SGK.  \_ GV cho HS làm 34c  **Bài 35 trang 19 SGK.**  **Bài 36 trang 19 SGK.**  \_ GV yêu cầu HS tự đọc SGK bài 36 trang 19, sau đó gọi một số HS lên bảng làm bài  **Bài 37 trang 19 SGK.**  \_ GV yêu cầu HS tự đọc SGK bài 37 trang 19, sau đó gọi một số HS lên bảng làm bài  **Bài 38 trang 19 SGK.**  \_ GV hướng dẫn HS sử dụng máy tính bỏ túi : Để nhân hai thừa số ta cũng sử dụng máy tính tương tự như phép cộng, chỉ thay dấu “+” bằng dấu “x”.  \_ GV gọi HS làm bài tập 38 trang 20 SGK.  **Bài 39 trang 19 SGK.**  GV yêu cầu HS làm bài 39 SGK.  **Bài 40 trang 19 SGK.**  GV cho HS làm bài 40 SGK. | HS làm dưới sự gợi ý của GV  a ) = (135 + 65) + (360 + 40)  = 200 + 400 = 600  b ) = (463 + 137) + (318 + 22)  = 600 + 340 = 940  c ) = (20 + 30) + (21 + 29) + (22 + 28) + (23 + 27) + (24 + 26) + 25  = 50 + 50 + 50 + 50 + 50 + 25  = 50.5 + 25 = 275  a ) = 996 + (4 + 41)  = (996 + 4) + 41 = 100 + 41  = 1041  b ) = (35 + 2) + 198  = 35 + (2 + 198) = 35 + 200  = 235  \_ Đã vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính nhanh  GV gọi HS đọc đề bài 33 trang 17 SGK  2 = 1 + 1 ; 5 = 3 + 2  3 = 2 + 1 ; 8 = 5 + 3  HS1 : Viết 4 số tiếp theo  1, 1, 2; 3; 5; 8; 13; 21; 34; 55  HS2 : viết tiếp 2 số nữa vào dãy số mới  1; 1; 2; 3; 5; 8; 13; 21; 34; 55; 89; 144  HS3 : 1; 1; 2; 3; 5; 8; 13; 21; 34; 55; 89; 144; 233; 377  \_ HS lắng nghe  \_ HS làm bài 34c  \_ HS :  15.2.6 = 5.3.12 = 15.3.4 (= 15.12)  4.4.9 = 8.18 = 8.2.9 (=16.9)  a ) 15.4 = 15.(2.2) = (15.2).2 = 30.2 = 60  25.12 = 25.(4.3) = (25.4).3 = 100.3 = 300  125.16 = 125.(8.2) = (125.8).2 = 1000.2 = 2000  b )25.12 = 25.(10+2) = 25.10 + 25.2 = 250 + 50 = 300  34.11 =34.(10+1) = 34.10 + 34.1 = 340 + 34 = 374  47.101 = 47(100+1) = 47.100 + 47.1 = 4700 + 47 = 4747  16.19 = 16.(20 – 1) = 16.20 – 16.1 = 320 – 16 = 304  46.99 = 46.(100 – 1) = 46.100 – 46.1 = 4600 – 46 = 4554.  35.98 = 35.(100 – 2) = 35.100 – 35.2 = 3500 – 70 = 3430  \_ 3 HS lên bảng điền kết quả khi dùng máy tính  375.376 = 141000  624.625 = 39000  13.81.215 = 226395  143857.2 = 285714  143857.3 = 428571  143857.4 = 571428  143857.5 = 714285  143857.6 = 857142  là tổng số ngày trong hai tuần lễ là 14  gấp đôi  là 28  Năm  = năm 1428 | **Bài 31 trang 17 SGK**  a ) 135 + 360 + 65 + 40  = (135 + 65) + (360 + 40)  = 200 + 400 = 600  b ) 463 + 318 + 137 + 22  = (463 + 137) + (318 + 22)  = 600 + 340 = 940  c ) 20 + 21 + 22 + … + 29 + 30  = (20 + 30) + (21 + 29) + (22 + 28) + (23 + 27) + (24 + 26) + 25  = 50 + 50 + 50 + 50 + 50 + 25  = 50.5 + 25 = 275  **Bài 32 trang 17 SGK**  a ) 996 + 45  = 996 + (4 + 41)  = (996 + 4) + 41 = 100 + 41  = 1041  b ) 37 + 198  = (35 + 2) + 198  = 35 + (2 + 198) = 35 + 200  = 235  **Bài 33 trang 17 SGK.**  1, 1, 2; 3; 5; 8; 13; 21; 34; 55  **Bài 34 trang 17 SGK.**  1364 + 4578 = 5942  6453 + 1469 = 7922  5421 + 1469 = 6890  3124 + 1469 = 4593  1534 + 217 + 217 + 217 = 2185  **Bài 35 trang 19 SGK.**  15.2.6 = 5.3.12 = 15.3.4 (= 15.12)  4.4.9 = 8.18 = 8.2.9 (=16.9)  **Bài 36 trang 19 SGK.**  a ) 15.4 = 15.(2.2) = (15.2).2 = 30.2 = 60  25.12 = 25.(4.3) = (25.4).3 = 100.3 = 300  125.16 = 125.(8.2) = (125.8).2 = 1000.2 = 2000  b )25.12 = 25.(10+2) = 25.10 + 25.2 = 250 + 50 = 300  34.11 =34.(10+1) = 34.10 + 34.1 = 340 + 34 = 374  47.101 = 47(100+1) = 47.100 + 47.1 = 4700 + 47 = 4747  **Bài 37 trang 19 SGK.**  16.19 = 16.(20 – 1) = 16.20 – 16.1 = 320 – 16 = 304  46.99 = 46.(100 – 1) = 46.100 – 46.1 = 4600 – 46 = 4554.  35.98 = 35.(100 – 2) = 35.100 – 35.2 = 3500 – 70 = 3430  **Bài 38 trang 19 SGK.**  375.376 = 141000  624.625 = 39000  13.81.215 = 226395  **Bài 39 trang 19 SGK.**  143857.2 = 285714  143857.3 = 428571  143857.4 = 571428  143857.5 = 714285  143857.6 = 857142  **Bài 40 trang 19 SGK.**  là tổng số ngày trong hai tuần lễ là 14  gấp đôi  là 28  Năm  = năm 1428 |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Bài tập về nhà : 43 → 47 /8, 9 SBT  \_ Xem trước bài “Phép trừ và phép chia” | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Giáo viên củng cố các tính chất của phép cộng, phép nhân các số tự nhiên.

\_ Rèn luyện kĩ năng vận dụng các tính chất trên vào các bài tập tính nhẩm, tính nhanh.

\_ Cho các bài tập vận dụng một cách hợp lý các tính chất của phép cộng và phép nhân vào giải toán.

.\_ Giáo viên chú ý giảng chậm, kỹ để HS yếu có thể nắm bắt bài.

**Tuần 3**

**Tiết 2**

**§6. PHÉP TRỪ VÀ PHÉP CHIA**

**Ngày dạy : 21/09/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS hiểu được khi nào kết quả của một phép trừ là một số tự nhiên, kết quả của một phép chia là một số tự nhiên.

\_ HS nắm được quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết, phép chia có dư.

\_ Rèn luyện cho HS vận dụng kiến thức về phép trừ, phép chia để tìm số chưa biết trong phép trừ, phép chia. Rèn tính chính xác trong phát biểu và giải toán.

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | | |
| \_ GV đặt câu hỏi :  + Cho 2 số tự nhiên a và b. Khi nào ta có phép trừ a – b = x | \_ HS lên sửa bài tập 43, 44 trong 8 SBT | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : PHÉP TRỪ HAI SỐ TỰ NHIÊN** | | | |
| \_ GV đưa câu hỏi :  Hãy xét xem có số tự nhiên x nào mà :  a ) 2 + x = 5 hay không ?  b ) 6 + x = 5 hay không ?  \_ GV : Ở câu a ta có phép trừ : 5 – 2 = x  \_ GV khái quát và ghi bảng cho 2 số tự nhiên a và b, nếu có số tự nhiên x sao cho b + x = a thì có phép trừ a – b = x  \_ GV giới thiệu cách xác định hiệu bằng tia số  + Xác định kết quả của 5 trừ 2 như sau :  + Đặt bút chì ở điểm 0, di chuyển trên tia số 5 đơn vị theo chiều mũi tên (GV dùng phấn màu)  + Di chuyển bút chì theo chiều ngược lại 2 đơn vị (phấn màu)  + Khi đó bút chì chỉ điểm 3 đó là hiệu của 5 và 2  \_ GV giải thích 5 không trừ đươc 6 vì khi di chuyển bút từ điểm 5 theo chiều ngược chiều mũi tên đơn vị thì bút vượt ra ngoài tia số (hình 16 SGK)  \* Củng cố bằng ?1  GV nhấn mạnh  a ) Số bị trừ = số trừ ⇒ hiệu bằng 0  b ) Số trừ = 0 ⇒ số bị trừ = hiệu  c ) Số bị trừ ≥ số trừ. | \_ HS :  Ở câu a tìm được x = 3  Ở câu b không tìm được giá trị của x  \_ HS dùng bút chì di chuyển trên tia số ở hình 14 SGK theo hướng dẫn của GV  \_ Theo cách trên tìm hiệu của 7 – 3; 5 – 6  \_ HS trả lời :  a ) a – a = 0  b ) a – 0 = a  c ) Điều kiện để có hiệu a – b là a≥b | **1 ) Phép trừ hai số tự nhiên**  cho 2 số tự nhiên a và b, nếu có số tự nhiên x sao cho b + x = a thì có phép trừ a – b = x  Dùng dấu “-“ để chỉ phép trừ  a – b = c  (Số bị trừ) – (Số trừ) = (Hiệu)  Ví dụ : 5 – 2 = 3  **?1**  a ) a – a = 0  b ) a – 0 = a  c ) Điều kiện để có hiệu a – b là a≥b  **\* Chú ý :**  a ) Số bị trừ = số trừ ⇒ hiệu bằng 0  b ) Số trừ = 0 ⇒ số bị trừ = hiệu  c ) Số bị trừ ≥ số trừ. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ** | | | |
| \_ GV : Xét xem số tự nhiên x nào mà  a ) 3.x = 12 hay không ?  b ) 5.x = 12 hay không ?  Nhận xét : ở câu a ta có phép chia  12 : 3 = 4  \_ GV : Khái quát và ghi bảng : Cho 2 số tự nhiên a và b (b ≠ 0) nếu có số tự nhiên x sao cho :  b.x = a thì ta có phép chia a:b = x  \* Củng cố ?2  \_ GV giới thiệu hai phép chia    \_ GV : Hai phép chia trên có gì khác nhau ?  \_ GV : Giới thiệu phép chia hết, phép chia có dư (nêu các thành phần của phép chia)  \_ GV ghi lên bảng  a = b.q + r (0 ≤ r < b)  Nếu r = 0 thì a = b.q : phép chia hết  Nếu r ≠ 0 thì phép chia có dư.  \_ GV hỏi :  + Bốn số : số bị chia, thương, số dư có quan hệ gì ?  + Số chia cần có điều kiện gì ?  + Số dư cần có điều kiện gì ?  \* Củng cố ?3 | \_ HS trả lời :  a ) x = 4 vì 3.4 = 12  b ) Không tìm được giá trị của x vì không có số tự nhiên nào nhân với 5 bằng 12  ?2 HS trả lời miệng :  a ) 0 : a = 0 (a ≠ 0)  b ) a : a = 1 (a ≠ 0)  c ) a : 1 = a  \_ HS : Phép chia thứ nhất có số dư bằng 0, phép chia thứ hai có số dư bằng 0  \_ HS đọc phần tổng quát trang 2 SGK.  \_ HS:  Số bị chia = Số chia x thương + số dư  Số chia ≠ 0  Số dư < Số chia  ?3  a ) Thương 35; số dư 5  b ) Thương 41; số dư 0  c ) Không xảy ra vì số chia bằng 0  d ) Không xảy ra vì số dư > số chia | | **2 ) Phép chia hết và phép chia có dư :**  Cho 2 số tự nhiên a và b (b ≠ 0) nếu có số tự nhiên x sao cho :  b.x = a thì ta có phép chia a:b = x  Dùng dấu “:” để chỉ phép chia :  a : b = c  (Số bị chia) – (Số chia) = (Thương)  Ví dụ : 12 : 3 = 4  **?2**  a ) 0 : a = 0 (a ≠ 0)  b ) a : a = 1 (a ≠ 0)  c ) a : 1 = a  **\* Tổng quát :**  a = b.q + r (0 ≤ r < b)  Nếu r = 0 thì a = b.q : phép chia hết  Nếu r ≠ 0 thì phép chia có dư |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | | |
| \_ GV cho HS làm bài tập 44 (a, d) trang 24 SGK.  \_ GV sửa bài cho HS  \_ GV đặt câu hỏi :  + Nêu cách tìm số bị chia  + Nêu cách tìm số chia  + Nêu điều kiện để thực hiện được phép trừ trong N  + Nêu điều kiện đễ a chia hết cho b  + Bốn số : số bị chia, thương, số dư có quan hệ gì ?  + Nêu điều kiện của số chia, số dư của phép chia trong N. | \_ HS lên bảng làm bài. Các em còn lại làm bài vào tập  \_ HS sửa bài vào tập.  \_ HS :  Số bị chia = Thương x Số chia + số dư  Số bị trừ = Hiệu + Số trừ  Số bị trừ ≥ Số trừ  Có số tự nhiên q sao cho a = b.q  a, b là các số tự nhiên, b ≠ 0  Số bị chia = Số chia x Thương + Số dư  Số chia ≠ 0  Số dư < Số chia | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | | |
| \_ Học kĩ bài ghi  \_ Bài tập về nhà : 41 → 45 trang 23, 24 SGK  \_ Tiết sau luyện tập | | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Rèn luyện cho HS vận dụng kiến thức về phép trừ, phép chia để tìm số chưa biết trong phép trừ, phép chia.

\_Rèn tính chính xác trong phát biểu và giải toán.

\_ Đưa các dạng toán thực tế để HS làm quen.

**LUYỆN TẬP**

**Tuần 3**

**Tiết 3**

**Ngày dạy: 23/09/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS hiểu được mối quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết, phép chia có dư, điều kiện để phép trừ thực hiện được.

\_ Rèn luyện cho HS vận dụng kiến thức về phép trừ, phép chia để tính nhẩm, để giải một vài bài toán thực tế.

\_ Rèn tính cẩn thận, chính xác, trình bày rõ ràng mạch lạc.

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ GV đưa câu hỏi :  + Cho 2 số tự nhiên a và b. Khi nào ta có phép trừ : a – b = x  Áp dụng tính :  425 – 257 ; 91 – 56  652 – 46 – 46 – 46  + Có phải khi nào cũng thực hiện được phép trừ số tự nhiên a cho số tự nhiên b không ?  Cho ví dụ | \_ HS trả lời câu hỏi và làm bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : PHÉP TRỪ HAI SỐ TỰ NHIÊN** | | |
| **Bài 47 trang 24 SGK**  a) (x – 35) – 120 = 0  b) 125 + (118 – x) = 217  c) 156 – (x + 61) = 82  **Bài 48 trang 24 SGK**  \_ GV cho HS tự đọc phần hướng dẫn của bài 48, 49 trang 24 SGK. Sau đó vận dụng để tính nhẩm.  **Bài 49 trang 24 SGK**  \_ Tính nhẩm bằng cách thêm vào số bị trừ và số trừ cùng 1 số thích hợp  **Bài 70 trang 11 SBT**  a) Cho 1538 + 3425 = S  Không làm tính. Hãy tìm giá trị của  S – 1538 ; S – 3425  Em làm thế nào để có kết quả ngay  b) Cho 9142 – 2451 = D  Không làm phép tính hãy tìm giá trị của  D + 2451 ; 9142 – D  \_ GV hướng dẫn HS cách tính như bài phép cộng lần lượt HS đứng tại chỗ trả lời kết quả.  \_ GV hướng dẫn HS làm bài tập 51 trang 25 SGK  **Bài 71 trang 11 SBT** : Việt và Nam cùng đi từ Hà Nội đến Vinh. Tính xem ai đi hành trình đó lâu hơn và lâu hơn mấy giờ  a) Việt khởi hành trước Nam 2 giờ và đến nơi trước Nam 3 giờ.  b) Việt khởi hành trước Nam 2 giờ và đến nơi sau Nam 1 giờ.  \_ GV yêu cầu HS đọc kĩ nội dung và giải  **Bài 72 trang 11 SBT**  Tính hiệu của số tự nhiên lớn nhất và số tự nhiên nhỏ nhất đều gồm 4 chữ số : 5, 3, 1, 0 (mỗi chữ số viết 1 lần) | a) (x – 35) – 120 = 0  x – 35 = 120  x = 120 + 35  x = 155  b) 124 + (118 – x) = 217  118 – x = 217 – 124  118 – x = 93  x = 118 – 93  x = 25  c) 156 – (x + 61) = 82  x + 61 = 156 – 82  x = 74 – 61  x = 13  \_ HS :  35 + 98 = (35 – 2) + (98 + 2)  = 33 + 100 = 133  46 + 29 = (46 – 1) + (29 + 1)  = 45 + 30 = 75  \_ HS :  321 – 96 = (321 + 4) – (96 + 4)  = 352 – 100 = 225  1354 – 997 = (1354 + 3) – (997 + 3)  = 1357 – 1000 = 357  \_ HS :  S – 1538 = 3425  S – 3425 = 1538  \_ Dựa vào mối quan hệ của các thành phần của phép tính ta có ngay kết quả.  D + 2451 = 9142  9142 – D = 2451  \_ HS :  425 – 257 = 168  91 – 56 = 35  82 – 56 = 26  73 – 56 = 17  652 – 46 – 46 – 46 = 514  \_ HS : Tổng các số ở mỗi hàng, mỗi cột, mỗi đường chéo đều bằng nhau (= 15)  \_ HS :  a) Nam đi lâu hơn Việt :  3 – 2 = 1 (giờ)  b) Việt đi lâu hơn Nam :  2 + 1 = 3 (giờ)  \_ HS :  + Số lớn nhất gồm 4 chữ số : 5, 3, 1, 0 là : 5310  + Số nhỏ nhất gồm 4 chữ số : 5, 3, 1, 0 là : 1035  + Hiệu là : 5310 – 1035 = 4275 | **Bài 47 trang 24 SGK**  a) (x – 35) – 120 = 0  x – 35 = 120  x = 120 + 35  x = 155  b) 124 + (118 – x) = 217  118 – x = 217 – 124  118 – x = 93  x = 118 – 93  x = 25  c) 156 – (x + 61) = 82  x + 61 = 156 – 82  x = 74 – 61  x = 13  **Bài 48 trang 24 SGK**  35 + 98 = (35 – 2) + (98 + 2)  = 33 + 100 = 133  46 + 29 = (46 – 1) + (29 + 1)  = 45 + 30 = 75  **Bài 49 trang 24 SGK**  321 – 96 = (321 + 4) – (96 + 4)  = 352 – 100 = 225  1354 – 997 = (1354 + 3) – (997 + 3)  = 1357 – 1000 = 357  **Bài 70 trang 11 SBT**  S – 1538 = 3425  S – 3425 = 1538  D + 2451 = 9142  9142 – D = 2451  **Bài 71 trang 11 SBT**  a) Nam đi lâu hơn Việt :  3 – 2 = 1 (giờ)  b) Việt đi lâu hơn Nam :  2 + 1 = 3 (giờ) |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Bài tập về nhà : 64, 65, 66, 67, 74 trang 11 SBT  \_ Tiết sau luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_Giáo viên giảng kỹ mối quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết, phép chia có dư, điều kiện để phép trừ thực hiện được.

\_ Rèn luyện cho HS vận dụng kiến thức về phép trừ, phép chia để tính nhẩm, để giải một vài bài toán thực tế.

\_ Giáo viên quan sát HS làm bài, rèn tính cẩn thận, chính xác, trình bày rõ ràng mạch.